

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	386.62 ↓	-2.26	-0.58%
KLGD (triệu ck)	35.75 ↓	-13.03	-26.71%
GTGD (tỷ đồng)	454.04 ↓	-379.03	-45.50%
Tổng cung (triệu ck)	113.89 ↓	-42.24	-27.06%
Tổng cầu (triệu ck)	109.51 ↓	-8.15	-6.93%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.83 ↓	-1.07	-27.45%
KL bán (triệu ck)	1.99 ↓	-3.14	-61.19%
Giá trị mua (tỷ đồng)	55.71 ↓	-92.57	-62.43%
Giá trị bán (tỷ đồng)	37.43 ↓	-72.75	-66.03%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	405	*
Kháng cự 2	420	***
Kháng cự 3	436	**
Hỗ trợ 1	378	*
Hỗ trợ 2	370	**
Hỗ trợ 3	350	***

- * Yếu
- ** Trung Bình
- *** Mạnh
- **** Rất mạnh

Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: (84-4) 39343888

Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Tin đáng chú ý:

- Thông tin từ tổ điều hành liên bộ Tài chính – Công thương về giá xăng dầu cho biết, liên bộ đã quyết định sẽ giảm thuế nhập khẩu xăng dầu 2% để giúp giữ nguyên giá bán lẻ xăng dầu. Ngoài ra, liên bộ cũng quyết định tăng mức trích từ quỹ bình ổn lên 550 đồng/lít xăng và dầu Fo, 600 đồng/lít dầu diesel.

Nhận định thị trường:

Diễn biến thị trường có chiều hướng xấu đi trong phiên giao dịch ngày hôm nay khi chỉ số hai sàn và nhiều mã cổ phiếu bluechips tiếp tục giảm. HNX-Index đã phá vỡ ngưỡng hỗ trợ 58,79 điểm và đi vào xu thế giảm. Chỉ số này có hỗ trợ mạnh tại vùng 55,27 điểm, tương ứng với đáy thấp nhất trong lịch sử giao dịch tới thời điểm hiện tại. Đối với sàn HSX, chỉ số VN-index có mức giảm ít hơn và tới thời điểm hiện tại vẫn chưa bị mất ngưỡng hỗ trợ tại 378 điểm, tuy nhiên các nhóm cổ phiếu trên sàn này phân hóa mạnh mẽ và nhiều mã bluechips có nguy cơ tiếp tục giảm sâu (ví dụ điển hình là nhóm cổ phiếu bất động sản). Với những dấu hiệu nêu trên, thị trường hiện tại vẫn tiềm ẩn rủi ro giảm giá ngắn hạn, do đó NĐT nên tiếp tục duy trì tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	57.52 ↓	-0.55	-0.95%
KLGD (triệu ck)	22.32 ↓	-11.80	-34.59%
GTGD (tỷ đồng)	155.94 ↓	-114.20	-42.28%
Tổng cung (triệu ck)	40.82 ↓	-18.55	-31.24%
Tổng cầu (triệu ck)	33.27 ↓	-3.98	-10.69%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.61 ↓	-0.51	-45.39%
KL bán (triệu ck)	0.95 ↑	0.41	76.77%
Giá trị mua (tỷ đồng)	5.79 ↓	-4.99	-46.31%
Giá trị bán (tỷ đồng)	10.44 ↑	3.79	56.96%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	58.79	**
Kháng cự 2	59.69	*
Kháng cự 3	64.36	***
Hỗ trợ 1	55.27	****
Hỗ trợ 2		
Hỗ trợ 3		

* Yếu

** Trung Bình

*** Mạnh

**** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Kịch lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 15 phiên	34,334,960
Bình quân 25 phiên	32,727,400
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	21,156,000

Nhận định thị trường:

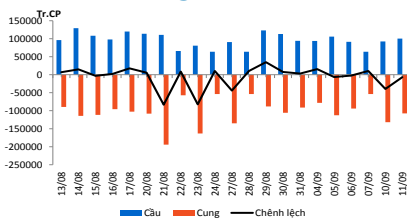
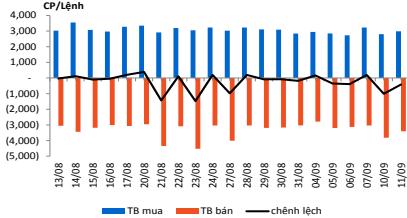
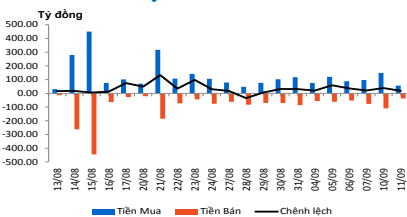
Đồ thị HNX-Index.

Phân tích kỹ thuật:

Tiếp tục giảm điểm trong phiên hôm nay, lực mua bắt đáy giảm đáng kể khiến thanh khoản sàn HNX giảm mạnh. Chỉ số HNX-Index chính thức mất ngưỡng hỗ trợ 58,79 điểm và đang trong một xu thế giảm ngắn hạn.

Thanh khoản thị trường tiếp tục duy trì mức thấp và công cụ dòng tiền MFI có chiều hướng giảm mạnh – dao động dưới vùng Quá Bán cho thấy sự cạn kiệt sức cầu. Điều này thể hiện khả năng giảm vẫn còn hiện hữu. Sau khi phá vỡ hỗ trợ 58,79 điểm, ngưỡng này sẽ thành một kháng cự đối với chỉ số HNX-index. Theo đó, những phiên phục hồi nhẹ có thể xuất hiện nhưng nếu như thanh khoản vẫn duy trì mức thấp thì sự phục hồi này chỉ mang tính chất bulltrap, retest lại ngưỡng 58,79 điểm trước khi thị trường tiếp tục giảm trở lại.

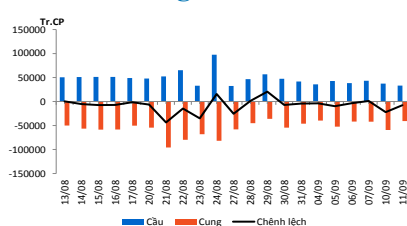
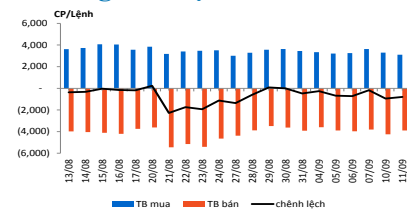
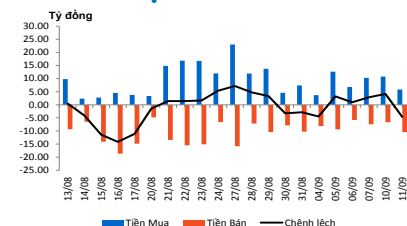
Rủi ro giảm giá ngắn hạn vẫn còn tiềm ẩn, do đó NĐT nên ưu tiên tỷ lệ tiền mặt cao trong danh mục. Nếu như thị trường xuất hiện sự phục hồi nhẹ trong phiên như kịch bản nêu trên, NĐT còn nhiều cổ phiếu nên tận dụng cơ hội đó để giảm tỷ lệ cổ phiếu.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Kết thúc đợt khớp lệnh thứ nhất, lệnh bán ở các mã trụ cột có phần thu hẹp do đó biên độ giảm cũng ngắn lại. BVH giảm sát mức giá sàn, MSN mất 2.86%, HAG rút 2.83%, VCB giảm 0.83%. Trong rổ VN30 chỉ có ITA, KBC, GMD, SAM giảm hết biên độ. VN-Index mất 5 điểm, ứng với 1.29% xuống 383.87 điểm. Giao dịch đạt khoảng 2.79 triệu đơn vị, tương đương 25 tỷ đồng. Bảng điện tử ghi nhận 100 mã giảm giá, 19 mã tăng và 24 mã giao dịch ở mức tham chiếu.

Thị trường cuối phiên giao dịch buổi sáng phần nào tạo được hy vọng cho nhà đầu tư khi biên độ giảm của chỉ số lẫn cổ phiếu đều được thu hẹp đáng kể. Tuy nhiên, thanh khoản thấp vẫn là điều phải lo ngại. Với tổng cộng 131 mã giảm giá, 67 mã tăng, VN-Index vẫn giảm 1.2 điểm, tức 0.31% xuống 387.68 điểm.

Kết phiên, Toàn sàn có 140 mã giảm giá, 78 mã tăng giá và 68 mã giao dịch ở mức tham chiếu tác động làm cho VN-Index giảm 2.26 điểm, tương ứng 0.58% xuống 386.62 điểm. Thanh khoản tăng chậm chạp trong phiên buổi chiều, nâng giao dịch cả phiên lên chỉ đạt 35.75 triệu đơn vị, giảm đáng kể so với phiên trước, ứng với 454 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

HNX trong 15 phút đầu phiên vẫn giao dịch hết sức ảm đạm, HNX-Index tiếp tục giảm xuống mức 57.56, tụt 0.88% (0.51 điểm). Khối lượng giao dịch chỉ hơn 2 triệu đơn vị (14.1 tỷ đồng). Toàn sàn có 14 mã tăng giá, 67 mã giảm giá và 314 mã đứng giá. Cổ phiếu PVX tiếp tục bị bán tháo, dẫn đầu thị trường về khối lượng giao dịch với 379 ngàn cổ phiếu, lượng dư bán giá sàn nhanh chóng đạt đến hơn 3 triệu đơn vị, còn dư mua trắng hoàn toàn. Đứng thứ 2 và 3 lần lượt là VND, KLS. Sàn HNX hầu như không có gì thay đổi so với tình trạng ngày hôm qua.

Cuối buổi sáng, Thị trường chỉ có 47 mã tăng giá không đủ để kéo HNX-Index lên, chỉ số này dừng ở 57.69 điểm, giảm 0.38 điểm (0.65%). Khối lượng giao dịch rất thấp chỉ được gần 15 triệu đơn vị tương đương 102.88 tỷ đồng. Toàn sàn có 117 mã giảm giá, 231 mã đứng giá và chỉ 47 mã tăng giá.

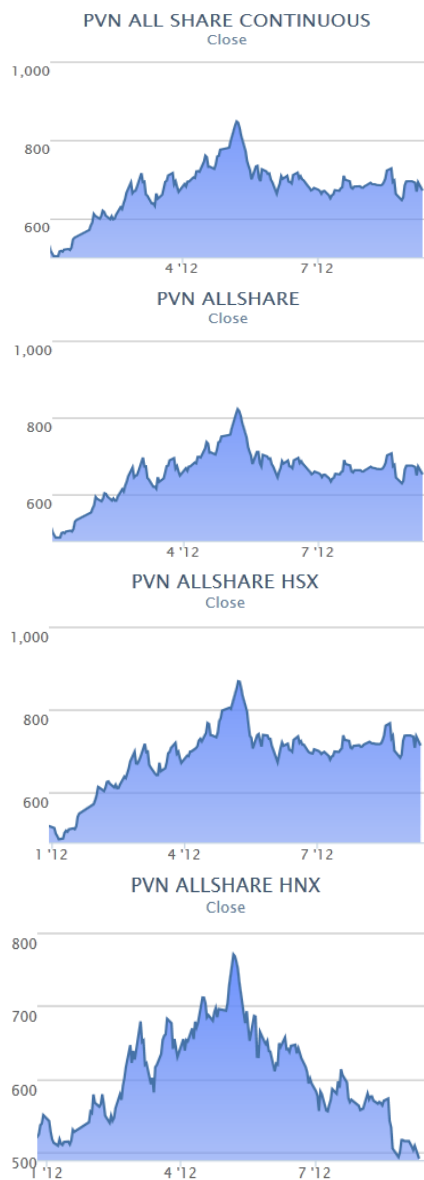
Cuối phiên, lực cầu dù có cải thiện nhưng vẫn không đủ sức kéo HNX-Index tăng điểm. Chỉ số tiếp tục mất thêm 0.55 điểm so với ngày hôm qua, tương đương 0.95% còn 57.52 điểm. Tổng tổng sàn Hà nội có 120 mã giảm giá, với 57 mã giảm sàn mà nổi bật là PVX, DCS và VGS với lượng dư mua rất lớn. Thanh khoản thị trường vẫn ảm đạm với 22.32 triệu cổ phiếu được mua và bán tổng giá trị 155.94 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

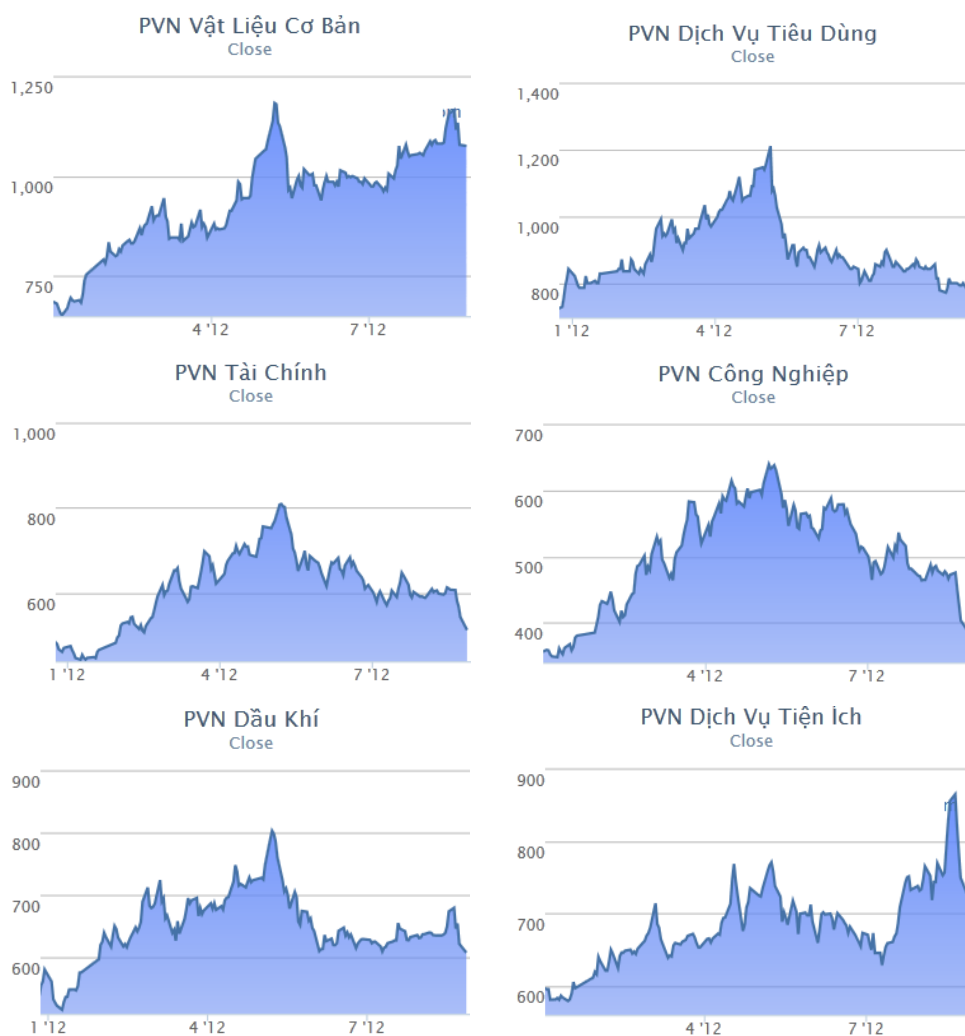
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	726.77	↓ -0.02	0
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	674.1	↑ 3.4	0.51
PVN ALLSHARE	656.06	↑ 3.17	0.49
PVN ALLSHARE HNX	489.46	↓ -2.54	-0.52
PVN ALLSHARE HSX	718.32	↑ 4.47	0.63
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1136.23	↑ 23.19	2.08
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	781.69	0	0
PVN Tài Chính	482.57	↓ 13.25	-2.67
PVN Công Nghiệp	339.39	↓ 16.94	-4.76
PVN Dầu Khí	645.59	↑ 5.47	0.85
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	768.74	↑ 11.99	1.58

Chỉ số Ngành



Chỉ số PVN 10



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SHARE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 3 mã cổ phiếu đứng giá, 13 mã tăng giá và 12 mã cổ phiếu giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,23% và tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 6,185 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 11/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,200.0	5,100	↓ 1.96	0.46	14.05	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	2,800.0	10,700	→ 0.00	0.28	25.45	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đồng Đô	2,800.0	315,700	↓ -6.67	0.16	0.27	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	16,700.0	406,800	↑ 0.60	1.37	1.11	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,000.0	13,200	↑ 1.45	0.65	4.43	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	→ 0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	3,900.0	70,500	↓ -4.88	0.39	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	12,400.0	65,300	↑ 0.81	0.74	1.85	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,500.0	2,800	↑ 2.15	1.66	4.34	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	9,300.0	193,400	↓ -1.06	0.60	6.69	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,900.0	26,300	↑ 0.63	0.68	8.03	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	3,600.0	1,100	↓ -5.26	0.35	1.69	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15,100.0	430,400	↑ 2.03	1.28	4.04	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5,400.0	940,615	↓ -6.90	0.24	2.03	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	40,200.0	157,910	↑ 0.75	3.24	12.88	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	39,200.0	848,910	↑ 2.08	2.34	6.33	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	25,900.0	8,000	↑ 1.17	1.19	3.15	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	5,500.0	60,550	↓ -3.51	0.47	4.01	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,100.0	124,870	→ 0.00	0.63	2.73	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	39,000.0	434,700	↑ 1.56	1.91	5.51	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,100.0	22,300	↓ -3.13	0.30	2.40	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	32,700.0	129,530	↑ 1.24	1.10	6.42	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9,000.0	1,270,160	↓ -4.26	0.79	11.39	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,100.0	504,240	↓ -4.65	0.42	37.27	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	4,400.0	31,820	↓ -4.35	0.42	2.93	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,400.0	1,020	↓ -2.86	0.31	1.77	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,200.0	99,820	↑ 1.10	0.70	2.76	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,400.0	9,570	↓ -4.35	0.40	2.89	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	38,400	39,200	2.08	32,800,290
SSI	17,300	16,900	-2.31	24,181,801
HAG	24,700	23,600	-4.45	24,013,776
SBT	16,800	17,600	4.76	20,445,962
STB	20,000	20,000	0.00	19,049,323

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,200	9,200	0.00	21,913
KLS	8,100	8,100	0.00	18,365
SHB	6,400	6,500	1.56	13,187
ACB	18,100	17,900	-1.10	8,201
SCR	6,800	6,700	-1.47	7,029

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
NVT	4,000	4,200	200	5.00
SVC	10,000	10,500	500	5.00
ST8	10,300	10,800	500	4.85
COM	29,000	30,400	1,400	4.83
SBT	16,800	17,600	800	4.76

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
YBC	10,000	10,700	700	7.00
VGP	10,300	11,000	700	6.80
PHS	3,000	3,200	200	6.67
SJE	7,500	8,000	500	6.67
IDV	18,900	20,100	1,200	6.35

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VSG	1,000	900	-100	-10.00
OGC	10,000	9,500	-500	-5.00
VHC	32,200	30,600	-1,600	-4.97
BTP	6,100	5,800	-300	-4.92
IFS	10,200	9,700	-500	-4.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
THV	1,300	1,200	-100	-7.69
SPP	7,200	6,700	-500	-6.94
VHL	17,300	16,100	-1,200	-6.94
PVX	5,800	5,400	-400	-6.90
V21	7,400	6,900	-500	-6.76

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	7,859	VIC	4,441
SBT	7,059	HAG	4,165
PGD	7,008	PVF	3,697
GAS	3,820	KDC	2,576
DPM	2,714	VNM	2,435

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	2,101	VND	4,531
VCG	660	AAA	1,028
SHB	448	VNR	873
PVX	433	SDT	616
APS	263	PVG	504

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339